

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh,
cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 581/TTr-STNMT ngày 18/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 45 (bốn mươi lăm) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đất đai, gồm:

- 32 (ba mươi hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;
- 12 (mười hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện;
- 01 (một) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

(Có Phụ lục Danh mục kèm theo).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017; số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 2222/QĐ-UBND ngày 28/9/2015, số 1750/QĐ-UBND ngày 25/6/2019, số 2620/QĐ-UBND ngày 07/9/2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *V. H.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC

ĐS

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI						
1.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	13	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
3.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí địa chính: 90.000 đồng/giấy chứng nhận. - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất: + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh
4.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí địa chính: 90.000 đồng/giấy chứng nhận. - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất: + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
5.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh
6.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	7	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đăng ký biến động: 25.000 đồng/lần.	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai
7.	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	16	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
8.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			đất đai
9.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định.	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
10.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai
11.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh văn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	lần (Mười nghìn đồng). Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng) Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	phòng đăng ký đất đai
12.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	7	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
13.	Gia Hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	7	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	UBND tỉnh.	
14.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	5	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
15.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng) Đơn giá thu dịch vụ Công tại VPĐKĐĐ tỉnh Thái Bình Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
16.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở	7	Tại Bộ phận tiếp nhận và	* Lệ phí đổi với trường hợp Cấp lại, đổi giấy chứng nhận QSDĐ,	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	và tài sản khác gắn liền với đất		trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>xác định tính pháp lý giấy tờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 35.000 đồng/1 lần (Ba mươi Lăm nghìn đồng) - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 35.000 đồng/1 giấy (Ba mươi Lăm nghìn đồng). <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng). <p>* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân - Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). - Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai 	<p>ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				trăm tám mươi nghìn đồng). Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức: - Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). - Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).		
17.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng) Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh Sở Tài nguyên và Môi trường
18.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Không quy định	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	phát hiện				và Môi trường	
19.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	20	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). * Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	UBND tỉnh
20.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	20	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				và tài sản khác gắn liền với đất: -Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). * Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).	16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	
21.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	20	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	* Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: -Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất -Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). * Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				+ Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).		
22.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	14	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng) Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
23.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	* Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng).	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				<ul style="list-style-type: none"> - Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng). Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng). * Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: + Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). + Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng). 	ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	
24.	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng). - Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). <p>* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: + Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). + Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng). 	- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức: + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). 		
25.	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>		<p>Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). <p>Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>
25.1	<p>Hồ sơ nộp khi thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển</p>					

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng					
	+ TH1: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	10				
	+ TH2: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	3				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	+ TH3: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	5				
25.2	Hồ sơ nộp khi cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận trong trường hợp thửa đất gốc đã được cấp Giấy chứng nhận	14				
25.3	Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận	7				
26.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	25	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng)	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng ĐKĐĐ hoặc Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.		
27.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai
28.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất	26	Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất			lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận	16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	
29.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>* Lệ phí đối với trường hợp Cấp lại, đổi giấy chứng nhận QSDĐ, xác định tính pháp lý giấy tờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 35.000 đồng/1 lần (Ba mươi lăm nghìn đồng) - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 35.000 đồng/1 giấy (Ba mươi Lăm nghìn đồng) <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). <p>* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				nhân. + Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). + Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng). - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của các tổ chức: + Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo: 1.600.000 đồng/hồ sơ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). + Tổ chức kinh tế: 2.500.000 đồng/hồ sơ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).		
30.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	7	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				chứng nhận.		
31.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Tổ chức: 25.000 đồng/1 giấy (Hai mươi lăm nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai
32.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải	Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban công dân Tiếp dân)	Không quy định	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày.</p>				

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI						
1.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	15	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường
2.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	20	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Lệ phí địa chính: Tại phường: 20.000 đồng; Tại xã, thị trấn: 10.000 đồng. - Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất: Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ; Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ.	- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND cấp huyện
3.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	15	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện
4.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ	UBND cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ TNMT	Chủ tịch UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. - Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày.				
5.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá	40	Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết	*Lệ phí đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày	UBND Cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nhân để thực hiện “đôn điền đổi thửa” (đồng loạt)		quả cấp huyện	<p>sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng). <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng). <p>*Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). 	<p>30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng)		
6.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.	UBND cấp huyện
7.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Không quy định	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND Cấp huyện
8.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	20	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	* Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng).	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				<p>-Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng).</p> <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng).</p> <p>-Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng).</p> <p>* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>- Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>+Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng).</p> <p>+Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng).</p>	ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	
9.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và	20	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết	* Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		quả cấp huyện	<p>sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng). - Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy <p>Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng). - Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). <p>* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp 	<p>30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: +Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). +Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng).		
10.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	20	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	* Lệ phí đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 70.000 đồng/1 giấy (bảy mươi nghìn đồng). -Hộ khu vực khác: 12.000 đồng/1 giấy (mười hai nghìn đồng). -Tổ chức: 400.000 đồng/1 giấy. Trường hợp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất: - Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 giấy (Hai mươi nghìn đồng).	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				-Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 giấy (Mười nghìn đồng). -Tổ chức: 90.000 đồng/1 giấy (Chín mươi nghìn đồng). * Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: - Đối với trường hợp cấp quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: +Tại phường, thị trấn: 400.000 đồng/hồ sơ (Bốn trăm nghìn đồng). +Tại xã: 280.000 đồng/hồ sơ (hai trăm tám mươi nghìn đồng).		
11.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	25	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận.		
12.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	26	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Lệ phí đối với trường hợp Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: - Hộ thuộc các phường thuộc thành phố: 20.000 đồng/1 lần (Hai mươi nghìn đồng). - Hộ khu vực khác: 10.000 đồng/1 lần (Mười nghìn đồng). Trường hợp có nhu cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện thu phí và lệ phí theo thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận	- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh.	UBND cấp huyện

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI						
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định - Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, UBND cấp xã	Không quy định	Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp xã